TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/DS-ST
Ngày 18-6-2024
"V/v tranh chấp đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Triều Vũ Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trà Minh Châu

Ông Nguyễn Thanh Rực

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Long Phú tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại Hội trường xét xử – Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tiến hành mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2024/TLST - DS ngày 03 tháng 5 năm 2024 về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2024/QĐXXST - DS ngày 22 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966; địa chỉ: Ấp T, xã C, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1955; địa chỉ: ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 04/4/2024). (Có mặt)

Bị đơn: Bà Võ Thị M, sinh năm 1960; địa chỉ: Ấp T, xã C, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/4/2024 cũng như tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Năm 2003, bà Nguyễn Thị H có giao dịch hụi và cho vay tiền tháng với bà Võ Thị M, tổng cộng số tiền hụi và tiền tháng đã giao cho bà M là 77.100.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu, một trăm nghìn đồng). Bà M đã trả được 37.100.000 đồng (Ba mươi bảy triệu, một trăm nghìn đồng). Căn cứ vào Biên bản hoà giải ngày 18/4/2009 tại tổ Hoà giải ấp Tư, xã Châu Khánh thì bà M còn thiếu 43.000.000 đồng (Bốn mươi ba triệu đồng). Từ ngày 18/4/2009 đến nay bà M đã trả cho bà H số tiền gốc là 29.000.000 (Hai mươi chín triệu đồng), còn lại tiền gốc là 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) nếu trả chậm sẽ tính lãi 0,8%/tháng.

Nay bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng giải quyết: Buộc bà M trả cho bà H số tiền gốc là 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) và lãi từ ngày 30/04/2021 đến ngày xét xử với số tiền: 14.000.000 đồng x 0,8%/tháng x 3 năm 01 tháng 19 ngày = 4.214.933 đồng (Bốn triệu, hai trăm mười bốn ngàn, chín trăm ba mươi ba đồng), tổng số tiền phải trả là 18.214.933 (Mười tám triệu, hai trăm mười bốn ngàn, chín trăm ba mươi ba) đồng. Nhưng bà H chỉ yêu cầu bà M trả tổng số tiền vốn lãi là 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng).

Tại biên bản ghi lời khai của đương sự ngày 21/5/2024, cũng như biên bản hòa giải ngày 21/5/2024 bị đơn bà Võ Thị M trình bày:

Bà thừa nhận vào năm 2003, bà H có giao dịch hụi và cho bà vay tiền tháng với số tiền 77.100.000 (Bảy mươi bảy triệu, một trăm ngàn đồng). Bà đã trả được cho bà H số tiền 37.100.000 (Ba mươi bảy triệu, một trăm ngàn) đồng. Ngày 18/4/2009, khi hòa giải tại Ấp T, xã C, thì chốt lại bà còn nợ bà H 43.000.000 (bốn mươi ba triệu) đồng. Sau đó, bà trả được cho bà H thêm được 29.000.000 (Hai mươi chín triệu) đồng và còn nợ lại bà H 14.000.000 (Mười bốn triệu) đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, buộc bà trả số tiền gốc là là 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng) và lãi từ ngày 30/04/2021 là 36 tháng với số tiền: 14.000.000 đồng x 0,8%/tháng x 36 tháng = 4.032.000 đồng (bốn triệu ba mươi hai nghìn đồng), tổng số tiền phải trả là 18.032.000 đồng (mười tám triệu không trăm ba mươi hai nghìn đồng). Nhưng bà H chỉ yêu cầu bà trả tổng số tiền là 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng). Bà M không đồng ý trả cho bà H số tiền 17.000.000 (Mười bảy triệu) đồng. Vì trước đây, bà có tham gia chơi hụi của bà H, bà tham gia 03 chân, hụi 19 người, lâu rồi bà không nhớ rõ thời gian và bà H cũng không có đưa giấy tờ gì cho bà. Chân hụi này 1.000.000 (Một triệu) đồng. Bà đã hốt 01 chân, còn hai chân sống, trong đó của bà có 01 chân sống và bà đã sang cho bà T cùng ấp 1 chân sống. Bà và bà T đã đóng cho bà H được mấy kỳ, thì bà H bể hụi. Lúc đó bà và bà T đã đóng được cho bà H số tiền 14.000.000 (Mười bốn triệu) đồng, mỗi người là 7.000.000 (Bảy triệu) đồng. Do bà B cũng giúp bà nhiều, nên khi bà H không đứng ra trả tiền hụi lại cho bà

B, bà đã đưa bà B số tiền 7.000.000 (Bảy triệu) đồng. Tổng cộng bà H còn nợ của bà số tiền chân hụi bà đã đóng 7.000.000 (Bảy triệu) đồng và chân hụi của bà T mà bà đứng ra trả giùm cho bà H 7.000.000 (Bảy triệu) đồng, là bà H còn thiếu bà 14.000.000 (Mười bốn triệu) đồng. Số tiền này bà yêu cầu bà H trừ đi số tiền bà H yêu cầu bà trả 14.000.000 (Mười bốn triệu) đồng là giữa bà và bà H không còn ai nợ nhau. Như đã nói, việc chơi hụi này, bà H không đưa giấy tờ, nên bà không có chứng cứ cung cấp cho Tòa.

Bà đã được nghe Thẩm phán giải thích " Quyền yêu cầu phản tố", việc làm đơn phản tố để yêu cầu bà H trả bà 14.000.000 (Mười bốn triệu) đồng, thì bà đã hiểu. Nhưng bà sẽ không làm đơn. Do công việc mỗi ngày phải đi làm công, không có thời gian hầu tòa. Về sau, bà xin Tòa giải quyết vắng mặt bà, bà sẽ không đến dự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Võ Thị M có trách nhiệm trả số tiền còn nợ là 14.000.000 (Mười bốn triệu) và tiền lãi từ 30/4/2021 là 3.000.000 (Ba triệu) đồng. Tổng cộng là: 17.000.000 (Mười bảy triệu đồng). Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng*:* Bị đơn bà Võ Thị M đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 3 Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà M.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H yêu cầu bà Võ Thị M trả số tiền gốc là 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng). Tại biên bản hòa giải ngày 21/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, bà M cũng thừa nhận còn nợ lại bà H số tiền 14.000.000 (Mười bốn triệu) đồng. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết không phải chứng minh.

Do đó việc bà H yêu cầu bà M trả số tiền 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả lãi từ 30/4/2021 đến ngày xét xử với lãi suất 0,8%/tháng. Xét thấy: Theo Biên bản về việc vay tiền tháng và tiền hụi ngày 18/04/2009 tại tổ Hoà giải ấp T, xã C, các bên không có thỏa thuận lãi suất.

[3.1] Theo quy định tại khoản 1, Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, lãi phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

1. Hợp đồng vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì theo yêu cầu của bên cho vay, Tòa án xác định bên vay phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = (nợ gốc quá hạn chưa trả) x (lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ) x (thời gian chậm trả nợ gốc).

[3.2] Đối với thời gian tính lãi, HĐXX xét thấy: Tại Biên bản về việc vay tiền tháng và tiền hụi ngày 18/04/2009 do Tổ hòa giải ấp T, xã C lập có nội dung: *Bà M còn thiếu bà H số tiền nợ là 43.000.000 (Bốn mươi ba triệu) đồng. Các bên thỏa thuận trả một năm 2.000.000 (Hai triệu chẵn) trong năm 2010 tháng chạp; Tới năm 2011 sẽ trả 3.000.000 (ba triệu) đồng, trả hai lần trong năm, cụ thể: vào ngày 15/8 sẽ trả 1.500.000 (Một triệu, năm trăm ngàn) đồng; 25 tháng chạp trả tiếp 1.500.000 (Một triệu, năm trăm ngàn) đồng*…". Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định đến năm 2019 bà M đã trả được 29.000.000 (Hai mươi chín triệu) đồng theo như thỏa thuận giữa hai bên. Từ đó đến nay bà M không tiếp tục trả tiền cho bà H. Do đó việc nguyên đơn bà Nguyễn Thị H yêu cầu tính lãi từ ngày 30/4/2021 là có cơ sở chấp nhận. Buộc bị đơn bà Võ Thị M phải trả lãi cho bà H với số tiền lãi 03 năm 01 tháng 19 ngày (tiền lãi tính từ ngày 30/4/2021 đến 18/6/2024), theo mức lãi suất 0,8%/tháng với số tiền lãi là 4.214.933 đồng (Bốn triệu, hai trăm mười bốn ngàn, chín trăm ba mươi ba đồng).

[3.3] Như vậy, bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn số tiền vốn gốc: 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng); tiền lãi tính từ ngày 30/4/2021 đến ngày 18/6/2024 là 4.214.933 đồng (Bốn triệu, hai trăm mười bốn ngàn, chín trăm ba mươi ba đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 18.214.933 (Mười tám triệu, hai trăm mười bốn ngàn, chín trăm ba mươi ba) đồng. Nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu bị

đơn hoàn trả vốn lãi là 17.000.000 (Mười bảy triệu) đồng, do đó được HĐXX chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu của bị đơn yêu cầu nguyên đơn trừ đi số tiền 14.000.000 (Mười bốn triệu) đồng mà bị đơn cho rằng nguyên đơn bà H còn thiếu bị đơn là các chân hụi của bị đơn 7.000.000 (Bảy triệu) đồng và chân hụi của bà T mà bị đơn đã trả giùm cho bà H 7.000.000 (Bảy triệu) đồng. Xét thấy, Tòa án đã yêu cầu bị đơn cung cấp chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, nhưng bị đơn không cung cấp được. Nên HĐXX không có cơ sở xem xét.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] *Về án phí*: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn thuộc trường hợp được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 147; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280; Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 280, Điều 351; 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; điểm đ, khoản 1 Điều 12; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Võ Thị M có nghĩa vụ hoàn trả cho Bà Nguyễn Thị H số tiền vốn gốc 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng), tiền lãi tính từ ngày 30/4/2021 đến ngày 18/6/2024 với số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu) đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 17.000.000 (Mười bảy triệu đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong thì bà Võ Thị M còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Võ Thị M thuộc trường hợp được miễn án phí. Nguyên đơn không phải chịu án phí. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 425.000 (Bốn trăm hai mươi lăm ngàn) đồng theo

biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003364 ngày 25/4/2024 của chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4/ Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tăng Triều Vũ Hà